TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2019/DS-PT
Ngày: 13-8-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản; vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Vững.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04/7/2019, ngày 29/7/2019, 13/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2019/TLPT-DS, ngày 09 tháng 4 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2019/QĐ-PT, ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 19, Trần Hữu D, Mỹ Đ, Từ L, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng V, chức vụ: Giám đốc

Chi nhánh Ngân hàng A1 (Theo quyết định ủy quyền số: 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng A).

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm: 1970;

2. Bà Trần Thị P, sinh năm: 1973;

Cùng địa chỉ: Ấp K11, xã Phú H, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1920;

Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện G, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn C là bà Tăng Thị X - Luật sư thực hiện Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ngân hàng A là nguyên đơn và ông Nguyễn Văn U là bị đơn trong vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Riêng ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng A trình bày: Từ năm 2012 đến năm 2017 ông Nguyễn Văn U có ký kết nhiều hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng A1, ông U đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng. Đến năm 2017-2018 ông Nguyễn Văn U tiếp tục ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng A1 gồm 03 hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 05031711.164 ngày 27-11-2017 với số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) lãi suất tiền vay 0,84%/tháng, hạn cuối cùng vào ngày 20-11-2018, vay sử dụng vào mục đích: Tiêu dùng gia đình.

+ Hợp đồng tín dụng số 05011811.130 ngày 07-3-2018 với số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) lãi suất tiền vay 0,625%/tháng, hạn cuối cùng vào ngày 01-11-2018, vay sử dụng vào mục đích: Sản xuất lúa.

+ Hợp đồng tín dụng số 05031811.13 ngày vay 08-3-2018 với số tiền vay gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) lãi suất tiền vay 0,875%/tháng, hạn cuối cùng vào ngày 05-3-2019, vay sử dụng vào mục đích: Sinh hoạt gia đình.

Do ông U để nợ quá hạn lãi từ ngày 25-7-2018 cho đến nay và căn cứ Bản

án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 21-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện G và Bản án dân sự phúc thẩm số 164/2018/DS-PT ngày 18-7-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Vì vậy, Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị P (vợ ông U) có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vay còn thiếu gốc tổng cộng là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09-01-2019 tổng cộng là 45.136.438 đồng. Vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi là 645.136.438đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ vay theo 03 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 05011611.27 ngày 03-3-2016 thì theo đơn khởi kiện đề ngày 15-8-2018 Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp với diện tích đất 44.175m^2 thuộc các thửa: 312, 336, 337, 340, 341, 361, 362, 783, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện G, tỉnh Đồng Tháp nhằm đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngày 20-9-2018, Ngân hàng có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung như sau: Căn cứ vào Bản án dân sự phúc thẩm số: 164/2018/DS-PT ngày 18-7-2018 thì nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý hợp đồng thế chấp tài sản số 05011611.27 ngày 03-3-2016 chỉ đối với tài sản thế chấp là đất lúa diện tích: 13.312m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 14.022m^2) thuộc các thửa 361 và 362, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp ấp 1, xã M, huyện G, tỉnh Đồng Tháp. Còn các thửa 312, 336, 337, 340, 341 và 783 thì Ngân hàng thống nhất theo Quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 164/2018/DS-PT ngày 18-7-2018.

Nhưng vào ngày 31-10-2018 Ngân hàng có văn bản ý kiến với nội dung xin được rút lại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 20-9-2018. Nay Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp với diện tích đất 44.175m^2 thuộc các thửa: 312, 336, 337, 340, 341, 361, 362, 783, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp ấp 1, xã M, huyện G, tỉnh Đồng Tháp. Trong trường hợp hợp đồng thế chấp nêu trên Tòa án hủy thì Ngân hàng cũng không yêu cầu bồi thường thiệt hại mà phải đảm bảo làm sao thu hồi nợ hợp đồng vay cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị P trình bày: Qua ý kiến của ông Nguyễn Hoàng V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì ông U và bà P thừa nhận từ năm 2012 đến năm 2017 ông U có vay vốn của Ngân hàng A1, các bên đã thực hiện đúng nghĩa vụ của hợp đồng, đến năm 2017 ông U ký tiếp 03 hợp đồng tín dụng như phía nguyên đơn trình bày mục đích về sản xuất, không liên quan đến chị Trần Thị Tú T (con ruột của bà Trần Thị P), nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn ông U vi phạm hợp đồng (chưa đóng lãi theo điều khoản quy định của các hợp đồng tín dụng nêu trên). Do đó, Ngân hàng khởi

kiện tại Tòa án thì ông U và bà P thống nhất.

Qua yêu cầu của Ngân hàng thì ông U và bà P thống nhất liên đới trả tiền vay gốc còn thiếu tổng cộng là 600.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng tại 03 hợp đồng tín dụng nêu trên và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ vay.

Đối với hợp đồng thế chấp số 05011611.27 ngày 03-3-2016, diện tích 44.175m^2 bao gồm 08 thửa: 312, 336, 337, 340, 341, 361, 362 và 783, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp ấp 1, xã M, huyện G,tỉnh Đồng Tháp mà ông U và bà P ký kết với Ngân hàng. Nay ông U và bà P đồng ý để Ngân hàng xử lý hợp đồng thế chấp nêu trên để thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng, không thống nhất theo Quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 164/2018/DS-PT ngày 18-7-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trong trường hợp hợp đồng thế chấp nêu trên Tòa án hủy thì ông U và bà P cũng không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Theo bản án sơ thẩm thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày: Qua yêu cầu của Ngân hàng và ý kiến của ông U và bà P thì ông C không thống nhất, vì phần diện tích đất thuộc các thửa 312, 336, 337, 340, 341 và 783, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp ấp 1, xã M, huyện G, tỉnh Đồng Tháp đã được giải quyết tại Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 21-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện G và và Bản án số 164/2018/DS-PT ngày 18-7-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã có hiệu lực pháp luật và nay ông C đang yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện G thi hành theo bản án. Còn việc nợ vay giữa Ngân hàng với ông U thì ông Út không liên quan, không yêu cầu trong vụ án.

Ngoài ra, đối với diện tích đo đạc thực tế tại các thửa 312, 336, 337, 340, 341, 361, 362 và 783, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện G,, tỉnh Đồng Tháp trong vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê quyền sử dụng đất" giữa các đương sự là ông Nguyễn Văn Cvà ông Nguyễn Văn U đã được Tòa án nhân dân huyện G và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử nay được Tòa án nhân dân huyện G thu thập để giải quyết trong vụ án giữa Ngân hàng với ông U, bà P thì ông C thống nhất, không khiếu nại.

Bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện G tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) về

việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể: Ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09-01-2019 tổng cộng là 45.136.438 đồng của 03 hợp đồng tín dụng số 05031711.164 ngày 27-11-2017, số 05011811.130 ngày 07-3-2018 và số 05031811.13 ngày 08-3-2018 do các bên xác lập. Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi là 645.136.438 đồng (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

Ông U và bà P còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi các bên thỏa thuận trong 03 hợp đồng tín dụng nêu trên tính từ ngày 10-01-2019 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán nợ xong.

[2]. Tuyên xử: Vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp số 05011611.27 ngày 03-3-2016 đối với diện tích đất là 30.863m^2 (Theo đo đạc thực tế là 33.613m^2) thuộc các thửa 312, 336, 337, 340, 341 và 783, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện G, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu ông U và bà P không trả số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện G phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 14.022m^2 (theo đo đạc thực tế) thuộc các thửa 361 và 362, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện G, tỉnh Đồng Tháp của Hợp đồng thế chấp số 05011611.27 ngày 03-3-2016 giữa ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị P và Ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị P phải nộp số tiền 29.805.000 đồng.

- Ngân hàng A nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu: số BG/2015: 0002017 ngày 11 tháng 9 năm 2018 (do anh Nguyễn Hòa I nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Vậy, hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 14.381.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng A và bị đơn ông Nguyễn

Văn U kháng cáo với nội dung:

- Ngân hàng kháng cáo yêu cầu xem xét nội dung bản án sơ thẩm tuyên xử vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 05011511.27 ngày 03/3/2016.

- Ông Nguyễn Văn U yêu cầu hủy toàn bộ bản án số: 01/2019/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Đồng Tháp do không đưa anh Z (con ông U) vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng trình bày giữ nguyên nội dung khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết cho Ngân hàng được xử lý tài sản đối với diện tích đất 44.175m^2 thuộc các thửa: 312, 336, 337, 340, 341, 361, 362, 783, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện G, nhằm đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp hai bên đã ký.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án số: 01/2019/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Đồng Tháp do không đưa anh Z (con ông U) vào tham gia tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C là Luật sư X đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng và ông U giữ y như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng và ông U giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông U và bà P trả tiền vay theo 03 hợp đồng tín dụng số 05031711.164 ngày 27-11-2017, số 05011811.130 ngày 07-3-2018 và số 05031811.13 ngày 08-3-2018, tổng tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09-01-2019 tổng cộng là 45.136.438 đồng và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng, đối với yêu cầu này của Ngân

hàng được ông U và bà P thống nhất, Tòa sơ thẩm công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông U và bà P là có cơ sở.

[2]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 05011611.27 ngày 03-3-2016, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đối với diện tích đất 44.175m^2 thuộc các thửa: 312, 336, 337, 340, 341, 361, 362, 783, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện G nhằm đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng, phần diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn U là theo hợp đồng tặng cho của ông C cho con ruột là ông U.

Đến năm 2015, ông C khởi kiện yêu cầu ông U trả lại diện tích theo đo đạc thực tế là 33.613m^2 thuộc các thửa 312, 336, 337, 340, 341 và 783 được giải quyết tại các Bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 21-3-2018 của Tòa án G và Bản án phúc thẩm số 164/2018/DS-PT ngày 18-7-2018 của Tòa án Tỉnh, bản án nhận định nguồn gốc đất tranh chấp là của bà E mẹ vợ của ông C cho một phần và một phần là của ông C và vợ là bà Đ1 nhận chuyển nhượng của người khác. Đến năm 1995, thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 44.175m^2 cho hộ ông C có nhiều người, nhưng năm 2011, chỉ có cá nhân ông C lập hợp đồng tặng cho là không phù hợp pháp luật và việc tặng cho là có điều kiện phải chăm sóc nuôi dưỡng ông C, nhưng sau khi cho đất ông U đã tách ra khỏi hộ vào năm 2014 và đi nơi khác sinh sống, do đó án sơ thẩm, phúc thẩm đã hủy hợp đồng tặng cho buộc ông U trả đất cho ông C, án có hiệu lực, đang thi hành án.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp đất giữa ông C và ông U, thì ông U ký hợp đồng thế chấp toàn bộ đất này cho Ngân hàng vào ngày 3/3/2016 và vay tiền 600.000.000 đồng, Tòa án có thông báo cho Ngân hàng biết và Ngân hàng có ý kiến là chưa đến hạn nên Ngân hàng không yêu cầu trong vụ án, sau này nếu ông U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Nay Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp này để thu hồi nợ vay của ông U, bà P là không có căn cứ pháp luật, bởi lẽ: Ngân hàng ký nhận đất thế chấp khi đất đang có tranh chấp và kết quả giải quyết tranh chấp đã có bản án buộc ông U trả đất cho ông C, đất thế chấp này không còn là tài sản của ông U cho nên hợp đồng thế chấp phần quyền sử dụng đất này là vô hiệu.

Vì vậy, Ngân hàng kháng cáo yêu cầu giữ nguyên hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng được xử lý toàn bộ quyền sử dụng đất này để thu hồi nợ vay là không có cơ sở.

[3]. Đối với kháng cáo của ông U cho rằng Tòa sơ thẩm không đưa con

ông U là anh Z vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng yêu cầu hủy án sơ thẩm là không có căn cứ, vì anh Z, ông U, ông C đều thừa nhận phần đất này là thuộc quyền sở hữu quyền sử dụng đất của ông C, từ thời điểm bản án phúc thẩm số 164/2018/DS-PT ngày 18/7/2018 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật là mới thật sự xác lập quyền sử dụng đất diện tích 14.022m^2 cho hộ ông U, mà hộ ông U lúc này là không có anh Z, vì anh Z sống chung hộ ông C ở xã M, anh Z cũng không tham gia ký kết hợp đồng thế chấp. Vậy nên, anh Z không có quyền và nghĩa vụ gì đối với tài sản này, nên sơ thẩm không đưa anh Z vào tham gia tố tụng là đúng.

[4]. Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho ông C đề cập nhận định yêu cầu Tòa phúc thẩm giữ y như án sơ thẩm đã tuyên là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[5]. Ý kiến của Kiểm sát viên đề cập nhận định và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng và không chấp nhận kháng cáo của ông U là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[6]. Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật, Ngân hàng và ông U kháng cáo đưa ra yêu cầu không phù hợp nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, phải giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

[7]. Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[8]. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 299, Điều 318, Điều 320, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) và không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn U; giữ nguyên Bản án dân sự

sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể: Ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09-01-2019 tổng cộng là 45.136.438 đồng của 03 hợp đồng tín dụng số 05031711.164 ngày 27-11-2017, số 05011811.130 ngày 07-3-2018 và số 05031811.13 ngày 08-3-2018 do các bên xác lập. Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi là 645.136.438 đồng (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

4. Ông U và bà P còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi các bên thỏa thuận trong 03 hợp đồng tín dụng nêu trên tính từ ngày 10-01-2019 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán nợ xong.

5. Vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp số 05011611.27 ngày 03-3-2016 ký kết giữa ông U, bà P với Ngân hàng đối với diện tích đất là 30.863m^2 (theo đo đạc thực tế là 33.613m^2) thuộc các thửa 312, 336, 337, 340, 341 và 783, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện G,, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu ông U và bà P không trả số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện G bán đấu giá để thi hành án đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 14.022m^2 (Theo đo đạc thực tế) thuộc các thửa 361 và 362, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện G,, tỉnh Đồng Tháp của Hợp đồng thế chấp số 05011611.27 ngày 03-3-2016 giữa ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị P và Ngân hàng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị P phải nộp số tiền 29.805.000 đồng.

- Ngân hàng A nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu: số 0002017 ngày 11 tháng 9 năm 2018 (do anh Nguyễn Hòa I nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G; hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 14.381.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ngân hàng A phải nộp 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ ngày 28/01/2019, theo biên lai số 0002240 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (đã nộp xong).

Ông Nguyễn Văn U phải nộp 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ ngày 22/01/2019, theo biên lai số 0002233 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (đã nộp xong).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Phương